

Số: 12/2024/QĐ-UBND

Bắc Kạn, ngày 26 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế quản lý, vận hành, khai thác và đảm bảo an toàn thông tin
Hệ thống thông tin dữ liệu về công tác dân tộc tỉnh Bắc Kạn**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật giao dịch điện tử ngày 22 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Luật An ninh mạng ngày 12 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Luật An toàn thông tin mạng ngày 19 tháng 11 năm 2015;

*Căn cứ Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 07 năm 2016 của Chính
phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ;*

*Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2007 của Chính
phủ về ứng dụng Công nghệ thông tin trong cơ quan quản lý nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 12/2022/TT-BTTTT ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ
trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều
của Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về
bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ;*

Theo đề nghị của Trưởng Ban Dân tộc tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý, vận hành, khai thác
và đảm bảo an toàn thông tin Hệ thống thông tin dữ liệu về công tác dân tộc tỉnh Bắc Kạn.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 04 tháng 9 năm 2024

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Trưởng ban Dân tộc tỉnh;
Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các
huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; các tổ chức,
cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (t/h);
- Ủy ban Dân tộc;
- Cục kiểm tra VBQPPL, Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy; TT HĐND tỉnh;
- TT UBNDTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP;
- Trung tâm CB-TH;
- Lưu: VT, VXNV, NCPC (Hòa).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phạm Duy Hưng

QUY CHẾ**Quản lý, vận hành, khai thác và đảm bảo an toàn thông tin
Hệ thống thông tin dữ liệu về công tác dân tộc tỉnh Bắc Kạn**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 12/2024/QĐ-UBND ngày 26 tháng 8 năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn)

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng****1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy chế này quy định việc quản lý, vận hành, khai thác và các biện pháp nhằm đảm bảo an toàn thông tin Hệ thống thông tin dữ liệu về công tác dân tộc tỉnh Bắc Kạn.

2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với các cơ quan hành chính, sự nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn; các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan tham gia quản lý, vận hành, khai thác và sử dụng Hệ thống thông tin dữ liệu về công tác dân tộc trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Dữ liệu về công tác dân tộc (trừ các danh mục bí mật nhà nước thuộc lĩnh vực công tác dân tộc): Là thông tin, số liệu phản ánh thực trạng tình hình về dân số và chất lượng dân số, phân bố dân cư, tiếp cận cơ sở hạ tầng, tình hình sản xuất, thu nhập và chi tiêu, đời sống, bảo tồn và phát huy văn hóa truyền thống, phòng chống tệ nạn xã hội, tiếp cận các dịch vụ y tế, giáo dục và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, tình hình tôn giáo, di cư tự do, khiếu kiện, an ninh nông thôn, thực trạng kinh tế, văn hóa, xã hội của đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh....

2. Cơ sở dữ liệu về công tác dân tộc: Là tập dữ liệu số hóa các trường thông tin, dữ liệu về công tác dân tộc.

3. Hệ thống thông tin dữ liệu về công tác dân tộc: Là Hệ thống thông tin hỗ trợ các cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện quản lý, cập nhật dữ liệu về công tác dân tộc; tin học hóa quá trình cập nhật, theo dõi và báo cáo dữ liệu về công tác dân tộc; kết xuất báo cáo dữ liệu về công tác dân tộc; tổng hợp thông tin dữ liệu về công tác dân tộc trong phạm vi từng xã, huyện và toàn tỉnh.

4. Cán bộ vận hành Hệ thống thông tin dữ liệu về công tác dân tộc: Là người được giao nhiệm vụ quản lý, điều khiển, duy trì hoạt động của hệ thống thông tin dữ liệu về công tác dân tộc.

5. Cán bộ quản lý Hệ thống thông tin dữ liệu về công tác dân tộc: Là người được giao nhiệm vụ làm công tác khai thác, cập nhật thông tin dữ liệu về công tác dân tộc lên phần mềm.

6. Tài khoản: Bao gồm tên đăng nhập và mật khẩu để truy cập vào hệ thống phần mềm.

Điều 3. Nguyên tắc chung

1. Các thông tin có liên quan đến dữ liệu về công tác dân tộc của cơ quan, tổ chức, đơn vị phải được cập nhật đầy đủ trên Hệ thống thông tin dữ liệu về công tác dân tộc.

2. Khi có thay đổi về dữ liệu phải được cập nhật kịp thời trên hệ thống.

3. Hệ thống thông tin dữ liệu về công tác dân tộc được quản lý, bảo mật, bảo đảm an toàn; các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân được giao nhiệm vụ mới được khai thác, sử dụng Hệ thống thông tin dữ liệu về công tác dân tộc theo quy định của pháp luật.

4. Thông tin trên Hệ thống thông tin dữ liệu về công tác dân tộc và thông tin thực tế phải trùng khớp nhau, trường hợp có sự chênh lệch phải kiểm tra, xác định nguyên nhân, điều chỉnh lại cho chính xác.

5. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân tham gia vào việc quản lý, sử dụng, khai thác Hệ thống thông tin dữ liệu về công tác dân tộc có trách nhiệm bảo đảm bí mật về mật khẩu đăng nhập, không làm mất cơ sở dữ liệu, thực hiện đúng các quy định về bảo đảm bí mật và hướng dẫn của cơ quan chuyên ngành theo nhiệm vụ được giao.

Chương II

QUẢN LÝ, VẬN HÀNH, KHAI THÁC VÀ ĐẢM BẢO AN TOÀN THÔNG TIN HỆ THỐNG THÔNG TIN DỮ LIỆU VỀ CÔNG TÁC DÂN TỘC

Điều 4. Vận hành, bảo trì, nâng cấp bảo đảm an toàn Hệ thống thông tin dữ liệu về công tác dân tộc

1. Hệ thống thông tin dữ liệu về công tác dân tộc được cài đặt, vận hành, duy trì hoạt động bởi Ban Dân tộc tỉnh, thực hiện sao lưu hàng ngày. Dữ liệu thông tin tài khoản được đồng bộ hàng tuần trong ngày làm việc để bảo đảm khả năng vận hành, khắc phục sự cố, phục hồi dữ liệu khi xảy ra sự cố do thiên tai, hỏa hoạn và các nguyên nhân bất khả kháng khác hoặc bị làm sai lệch, thay đổi, xóa, hủy dữ liệu trái phép. Dữ liệu sao lưu phải được bảo vệ an toàn, định kỳ kiểm tra và phục hồi thử hệ thống từ dữ liệu sao lưu để sẵn sàng sử dụng khi cần thiết.

2. Ban Dân tộc tỉnh thực hiện các biện pháp bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa để đảm bảo Hệ thống thông tin dữ liệu về công tác dân tộc hoạt động trên mạng công cộng (Internet) liên tục; bảo đảm về sự bảo mật của cơ sở dữ liệu tỉnh Bắc Kạn.

3. Trường hợp có sự cố hoặc thay đổi do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ban hành chính sách mới hoặc sửa đổi, bổ sung chính sách, Ban Dân tộc tỉnh thực hiện tiếp nhận, phối hợp với đơn vị cung cấp phần mềm khắc phục và nâng cấp theo tình hình thực tế và theo yêu cầu.

4. Kinh phí vận hành Hệ thống thông tin dữ liệu được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước hàng năm cho Ban Dân tộc tỉnh. Ban Dân tộc tỉnh quản lý, sử dụng kinh phí đảm bảo hoạt động Hệ thống thông tin dữ liệu về công tác dân tộc đúng quy định hiện hành.

Điều 5. Mô hình tổ chức cập nhật, quản lý, vận hành và khai thác Hệ thống thông tin dữ liệu

1. Ban Dân tộc tỉnh tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo việc quản lý, sử dụng; đồng thời trực tiếp triển khai Hệ thống thông tin dữ liệu đến các sở, ban, ngành tỉnh (đơn vị cấp tỉnh), các huyện, thành phố (cấp huyện), các xã, phường, thị trấn (cấp xã).

2. Các đơn vị cấp tỉnh được cấp tài khoản trên Hệ thống thông tin dữ liệu về công tác dân tộc có trách nhiệm: Theo dõi, tổng hợp, cập nhật dữ liệu về công tác dân tộc trong phạm vi lĩnh vực ngành quản lý; kiểm tra, xác thực dữ liệu cuối (dữ liệu cuối được cung cấp từ Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã) trên Hệ thống thông tin dữ liệu về công tác dân tộc.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo bộ phận, cá nhân được giao nhiệm vụ quản lý, sử dụng tài khoản Hệ thống thông tin dữ liệu về công tác dân tộc có trách nhiệm: Tổng hợp, cập nhật dữ liệu về công tác dân tộc thuộc phạm vi quản lý; kiểm tra, xác thực dữ liệu cuối (dữ liệu cuối được cung cấp từ cấp xã) trên Hệ thống thông tin dữ liệu về công tác dân tộc.

4. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm: Tổng hợp, cập nhật thông tin dữ liệu về công tác dân tộc thuộc phạm vi quản lý; kiểm tra, xử lý dữ liệu trước khi tải lên Hệ thống thông tin dữ liệu về công tác dân tộc.

Điều 6. Quản lý danh mục phiếu điều tra, thu thập thông tin, kỳ báo cáo, tài khoản trên Hệ thống thông tin dữ liệu về công tác dân tộc

1. Ban Dân tộc tỉnh có trách nhiệm cập nhật danh mục phiếu điều tra, thu thập thông tin theo quy định của Ủy Ban Dân tộc; kịp thời cập nhật, bổ sung, sửa đổi các nội dung và mẫu biểu phù hợp theo các quy định do Chính phủ, Ủy Ban Dân tộc mới ban hành về dữ liệu công tác dân tộc; đồng thời cập nhật các kỳ báo cáo theo quy định, hướng dẫn kịp thời cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện.

2. Tài khoản đăng nhập Hệ thống thông tin dữ liệu về công tác dân tộc tỉnh Bắc Kạn

a) Ban Dân tộc tỉnh, các đơn vị cấp tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã: Mỗi đơn vị được cấp một tài khoản truy cập vào Hệ thống thông tin dữ liệu về công tác dân tộc.

b) Các đơn vị đăng nhập Hệ thống thông tin dữ liệu về công tác dân tộc tại địa chỉ: <https://htldantoc.backan.gov.vn/> bằng tài khoản do Ban Dân tộc tỉnh cấp.

Tên đăng nhập: Nhập tên đăng nhập vào hệ thống do Ban Dân tộc tỉnh cấp.

Mật khẩu: Ban Dân tộc tỉnh cấp lần đầu, các đơn vị phải thay đổi mật khẩu đăng nhập trong lần đăng nhập đầu tiên, không sử dụng mật khẩu mặc định để sử dụng. Mật khẩu đăng nhập của cơ quan, tổ chức, đơn vị tự xác định.

3. Ban Dân tộc tỉnh là đơn vị vận hành hệ thống, thực hiện quản lý thống nhất toàn bộ các tài khoản tham gia sử dụng Hệ thống thông tin dữ liệu về công tác dân tộc.

4. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị giao cho 01 cán bộ, công chức quản lý, sử dụng tài khoản Hệ thống thông tin dữ liệu về công tác dân tộc trong phạm vi quản lý. Danh sách cán bộ, công chức (họ và tên, chức vụ, bộ phận công tác, điện thoại, địa chỉ thư điện tử) được giao quản lý và sử dụng Hệ thống thông tin dữ liệu được lập và gửi về Ban Dân tộc tỉnh để phối hợp, theo dõi, quản lý.

5. Cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân được giao quản lý, sử dụng tài khoản chịu trách nhiệm bảo quản, giữ bí mật (hoặc bảo mật) tài khoản được cấp (Bao gồm tên đăng nhập và mật khẩu), không chia sẻ cho người khác dưới bất cứ hình thức nào.

6. Trường hợp có sự thay đổi người quản lý, sử dụng tài khoản, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 4 Điều này phải có văn bản bàn giao người quản lý, sử dụng tài khoản. Đồng thời, người được giao quản lý, sử dụng thực hiện thay đổi mật khẩu của tài khoản đó. Danh sách người sử dụng Hệ thống thông tin dữ liệu về công tác dân tộc được lập và gửi về Ban Dân tộc tỉnh để phối hợp theo dõi, quản lý.

7. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị tối thiểu 06 tháng phải thay đổi mật khẩu 01 lần để tăng cường độ bảo mật; chịu trách nhiệm về sự cố xảy ra nếu liên quan đến thông tin truy cập trên cơ sở dữ liệu tại đơn vị mình do bị lộ, lọt mật khẩu.

8. Ban Dân tộc tỉnh chịu trách nhiệm thêm mới, sửa, đóng, xóa tài khoản tham gia Hệ thống thông tin dữ liệu của các cơ quan, tổ chức, đơn vị. Đối với tài khoản đã có tương tác và phát sinh dữ liệu trên Hệ thống thông tin dữ liệu thì không xóa tài khoản, chỉ được sửa thông tin hoặc đóng tài khoản. Cơ quan, tổ chức, đơn vị có nhu cầu thêm mới, sửa đổi, đóng, xóa tài khoản phải có văn bản đề nghị Ban Dân tộc tỉnh để thực hiện.

Điều 7. Khắc phục khi Hệ thống thông tin dữ liệu về công tác dân tộc gặp sự cố

1. Khi không truy cập được vào Hệ thống thông tin dữ liệu về công tác dân tộc hoặc gặp sự cố khác khi sử dụng Hệ thống thông tin dữ liệu, các cơ quan, tổ chức, đơn vị liên hệ với Ban Dân tộc tỉnh để được hướng dẫn, xử lý.

2. Ngay sau khi nhận được thông tin về sự cố, công chức được giao phụ trách Hệ thống thông tin dữ liệu tiếp nhận hướng dẫn người sử dụng khắc phục sự cố hoặc lỗi truy cập hoặc liên hệ với đơn vị cung cấp phần mềm để phối hợp xử lý sự cố kịp thời.

Điều 8. Quy định về sử dụng Hệ thống thông tin dữ liệu về công tác dân tộc

1. Cập nhật, bổ sung dữ liệu về công tác dân tộc: Khi có văn bản đề nghị của Ban Dân tộc tỉnh, hoặc theo định kỳ (kỳ báo cáo 01 lần/năm, số liệu tính đến 31/12 của năm báo cáo, thời hạn cập nhật số liệu xong trước 31/3 của năm sau liền kề), các cơ quan, đơn vị, tổ chức tiến hành đăng nhập vào Hệ thống thông tin dữ liệu và thực hiện cập nhật dữ liệu vào các phiếu điều tra, thu thập thông tin tương ứng với kỳ báo cáo.

2. Thông tin dữ liệu về công tác dân tộc được cập nhật vào Hệ thống thông tin dữ liệu đúng định dạng quy định, dữ liệu phải thể hiện đúng hiện trạng về công tác dân tộc của lĩnh vực ngành, địa phương tương ứng với các chỉ tiêu yêu cầu báo cáo.

3. Phê duyệt và kiểm tra dữ liệu: Các dữ liệu được cập nhật vào Hệ thống thông tin dữ liệu được kiểm tra, phê duyệt trực tiếp hệ thống. Khi phát hiện có sai sót hoặc cần bổ sung, cơ quan quản lý lĩnh vực ngành gửi trả lại đơn vị cập nhật dữ liệu đầu vào để cập nhật, bổ sung kịp thời, đúng thời gian quy định. Đơn vị quản lý dữ liệu chịu trách nhiệm về dữ liệu cuối trong phạm vi của quản lý đơn vị mình.

4. In, lưu các loại báo cáo trên hệ thống: Biểu mẫu báo cáo, thực hiện in, lưu các loại báo cáo tháng, quý, năm, giai đoạn thực hiện trực tiếp trên Hệ thống thông tin dữ liệu về công tác dân tộc.

5. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị: Sử dụng, khai thác và cập nhật cơ sở dữ liệu về công tác dân tộc trong phạm vi đơn vị mình quản lý.

Điều 9. An toàn thông tin

Hệ thống thông tin dữ liệu về công tác dân tộc trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn được bảo đảm an toàn thông tin theo Luật An toàn thông tin mạng, đáp ứng yêu cầu đảm bảo an toàn thông tin theo cấp độ tại Điều 9, Thông tư số 12/2022/TT-BTTTT ngày 12/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ và phù hợp với các quy định hiện hành có liên quan.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Trách nhiệm của Ban Dân tộc tỉnh

1. Quản lý, duy trì, vận hành và đảm bảo kỹ thuật cho hoạt động thường xuyên, liên tục 24 giờ/ngày, 7 ngày/tuần của Hệ thống thông tin dữ liệu về công tác dân tộc.

2. Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, đơn vị cung cấp phần mềm và các đơn vị có liên quan hướng dẫn vận hành, sử dụng Hệ thống thông tin dữ liệu về công tác dân tộc.

3. Cấp tài khoản (tên đơn vị, tên đăng nhập và mật khẩu) cho từng cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan đến dữ liệu về công tác dân tộc trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

4. Phối hợp, hỗ trợ các cơ quan, tổ chức, đơn vị khắc phục sự cố trong quá trình sử dụng Hệ thống thông tin dữ liệu về công tác dân tộc.

5. Tham mưu, đề xuất nâng cấp, hiệu chỉnh phần mềm, để kịp thời đáp ứng các yêu cầu trong công tác quản lý dữ liệu về công tác dân tộc và yêu cầu của thực tiễn.

6. Tổ chức theo dõi, đôn đốc các cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng quản lý, khai thác, cập nhật dữ liệu Hệ thống thông tin dữ liệu về công tác dân tộc hiệu quả, thường xuyên, liên tục.

Điều 11. Trách nhiệm của Sở Thông tin và Truyền thông

Phối hợp với Ban Dân tộc tỉnh về công tác đảm bảo an toàn, an ninh thông tin hệ thống theo cấp độ; xác định hoặc xác định lại cấp độ an toàn thông tin đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn theo quy định; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh về chuyên môn trong quá trình triển khai vận hành Hệ thống thông tin dữ liệu về công tác dân tộc.

Điều 12. Trách nhiệm của các đơn vị cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Tổ chức triển khai sử dụng, khai thác Hệ thống thông tin dữ liệu về công tác dân tộc thuộc phạm vi quản lý và cập nhật, cung cấp số liệu của cơ quan mình lên hệ thống theo yêu cầu của cơ quan quản lý bảo đảm hiệu quả, thường xuyên, liên tục.

2. Quản lý, chỉ đạo, đôn đốc việc sử dụng Hệ thống thông tin dữ liệu về công tác dân tộc đúng mục đích, có hiệu quả, đảm bảo bí mật tài khoản người dùng, nội dung thông tin theo quy định tại Quy chế này và các văn bản pháp luật liên quan.

3. Bố trí cán bộ, công chức, viên chức theo dõi, quản lý và xử lý các sự cố thông thường trong quá trình sử dụng Hệ thống thông tin dữ liệu tại cơ quan, tổ chức, đơn vị; thông báo kịp thời các sự cố xảy ra ngoài khả năng và trách nhiệm xử lý về Ban Dân tộc tỉnh để phối hợp với các đơn vị liên quan khắc phục sự cố.

4. Triển khai thực hiện các nội dung quản lý, sử dụng Hệ thống thông tin dữ liệu về công tác dân tộc tại Quy chế này đến từng cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan, tổ chức, đơn vị.

Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân tham gia quản lý, vận hành và khai thác Hệ thống thông tin dữ liệu về công tác dân tộc tỉnh Bắc Kạn có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này trong phạm vi quản lý của mình.

Điều 13. Sửa đổi, bổ sung Quy chế

1. Trong quá trình thực hiện Quy chế này, nếu có khó khăn, vướng mắc phát sinh hoặc kiến nghị điều chỉnh, bổ sung, các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân liên quan kịp thời báo cáo về Ban Dân tộc tỉnh để tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp.

2. Các văn bản được dẫn chiếu tại Quy chế này, nếu được sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ thì thực hiện theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ đó./.